

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HN - ST

Ngày: 20 - 4 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Ông Trần Thanh Khen

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST - HN ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Biện Thị Kim N, sinh năm 1975 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Trương Thanh P, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 36/3 ấp LH1, xã LH2, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 và tại phiên tòa chị Biện Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Trương Thanh P qua quen biết nhau vào năm 1993, tổ chức đám cưới năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 03/11/2008. Sau khi cưới chị phát hiện anh P lo ăn chơi cờ bạc, cá độ, gây ra nợ nần nên cha của chị phải đứng ra trả nợ thay cho vợ chồng chị, nếu chị và anh P ly hôn sợ cha mẹ

buồn nên cố gắng chịu đựng, từ từ khuyên nhủ anh P nhưng anh P vẫn không thay đổi, đến khoảng năm 2014 anh P mới bắt đầu đi buôn bán trái cây, có đem tiền về đưa cho chị để trả nợ nhưng số tiền anh P mang về không đủ để trả nợ, chồng thường xuyên cãi vã nên khoảng từ tháng 2/2020 chị và anh P không sống chung với nhau, anh P ở trọ tại Tiền Giang để mua bán, khoảng 1 tuần anh P có về thăm con và cho tiền con. Trong thời gian sống ly thân với nhau mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm gì đến ai, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Mỹ T, sinh năm 1996 và Trương Mỹ Ng, sinh ngày 03/5/2004. Cháu Tiên đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, chị N yêu cầu nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không tranh chấp, không cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Bị đơn:** anh Trương Thanh P tại bản khai ngày 16/3/2021 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh P đồng ý ly hôn với chị N

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Mỹ T sinh năm 1996 và Trương Mỹ Ng, sinh ngày 03/5/2004. Cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng

+ Về tài sản chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Anh P xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Thanh P xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển 1, do Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/11/2008 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Biện Thị Kim N và anh Trương Thanh P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P cũng đồng ý ly hôn với chị N. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Xét thấy, cháu Trương Mỹ Ng, sinh ngày 03/5/2004, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, anh P cũng đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu Ng. Sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, cháu Ng cũng có nguyện vọng sống chung với chị N, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này, giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Biện Thị Kim N được ly hôn với anh Trương Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Mỹ Ng, sinh ngày 03/5/2004 cho chị Biện Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị N và P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Biện Thị Kim N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006425 ngày 22/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Thị Ngọc Tú**